TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1027/2025/DS – ST
Ngày: 18-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh.

Hội thẩm nhân dân: : 1/ Bà Võ Thị Thanh Thu

2/ Bà Huỳnh Thị Khả Tú

- Thư ký Tòa án: Bà Trần Thị Nguyệt Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 284/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Công ty X;

Trụ sở: 91 đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 đường Tr, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024)

Bị đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: 47/6 (Ấp 2, xã N, huyện H cũ), nay là ấp 125, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao mộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 27/12/2023, Công ty X ký Hợp đồng tín dụng số: 5170194 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Lê Thị C với khoản vay trị giá 22,617,000 đồng (gồm 21,000,000 đồng và 1,617,000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay); Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày 10/01/2024 đến ngày 10/12/2025; Mức lãi suất trong hạn là 52%/năm (một năm là 365 ngày); Lãi suất quá hạn = 150% x Lãi suất trong hạn% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày; Lãi chậm trả = 10% x Số tiền lãi trong hạn chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày.

Ngày 27/12/2023, Công ty X đã giải ngân vào tài khoản số 060289034921 của bà Lê Thị C mở tại Ngân hàng M.

Sau khi được giải ngân bị đơn đã thanh toán 4,647,821 đồng (Trong đó: Gốc đã trả 2,368,316 đồng; Lãi đã trả 2,267,505 đồng; Phí thu hộ đã trả: 12,000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 21/05/2024 bị đơn đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty X đã giải ngân. Đến ngày 15/7/2025 bị đơn thanh toán 1,547,000 đồng, ngày 15/8/2025 bị đơn tiếp tục thanh toán 1,547,000 đồng. Tổng số tiền bị đơn thanh toán tính đến ngày 18/9/2025 là 7,741,821 đồng (Trong đó: Gốc đã trả 3,727,524 đồng; Lãi đã trả 4,002,297 đồng; Phí thu hộ đã trả: 12,000 đồng).

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà C vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà Lê Thị C thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính 18/9/2025 là 33,996,111 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 18,889,476 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8,398,496 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 6,102,524 đồng; Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 605,615 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc cá nhân bà Lê Thị C phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Thị C vắng mặt, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8-Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn cư trú tại xã Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Trong quá trình tố tụng, do bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 5170194, Bản điều khoản và điều kiện cho vay, điều lệ Công ty X, lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng, bảng kê tính lãi của bà Lê Thị C và các tài liệu khác do Công ty X cung cấp và lời khai của Công ty X thì có cơ sở xác định: Ngày 27/12/2023, Công ty X ký Hợp đồng tín dụng số: 5170194, Bản điều khoản và điều kiện cho vay (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Lê Thị C với khoản vay trị giá 22,617,000 đồng (gồm 21,000,000 đồng và 1,617,000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay); Thời hạn vay: 24 tháng; Mức lãi suất trong hạn là 52%/năm (một năm là 365 ngày); Lãi suất quá hạn = 150% x Lãi suất trong hạn% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x

Số ngày quá hạn : 365 ngày; Lãi chậm trả = 10% x Số tiền lãi trong hạn chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày. Ngày 27/12/2023, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Lê Thị C vào tài khoản cá nhân của bà Lê Thị C. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Lê Thị C có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng theo lịch thanh toán trong kỳ hạn 24 tháng, 10/01/2024 đến ngày 10/12/2025 cho Công ty. Sau khi được giải ngân bị đơn đã thanh toán 4,647,821 đồng (Trong đó: Gốc đã trả 2,368,316 đồng; Lãi đã trả 2,267,505 đồng; Phí thu hộ đã trả: 12,000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 21/05/2024 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên công ty được quyền khởi kiện thu hồi nợ theo Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay. Đến ngày 15/7/2025 bị đơn thanh toán 1,547,000 đồng, ngày 15/8/2025 bị đơn tiếp tục thanh toán 1,547,000 đồng. Tổng số tiền bị đơn thanh toán tính đến ngày 18/9/2025 là 7,741,821 đồng (Trong đó: Gốc đã trả 3,727,524 đồng; Lãi đã trả 4,002,297 đồng; Phí thu hộ đã trả: 12,000 đồng).

Như vậy, tạm tính đến ngày 18/9/2025, bà C còn nợ Công ty X là 33,996,111 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 18,889,476 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8,398,496 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 6,102,524 đồng; Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 605,615 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu bà Lê Thị C phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng đã ký.

[3.3] Từ đó, căn cứ quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X và buộc bà C trả cho Công ty X số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2025 là: 33,996,111 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 18,889,476 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8,398,496 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 6,102,524 đồng; Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 605,615 đồng. Ngoài ra bà C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh kể từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1,699,806 (một triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng. Trả lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

1.1. Bà Lê Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/9/2025 là: 33,996,111 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 18,889,476 đồng; Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán: 8,398,496 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 6,102,524 đồng; Số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán: 605,615 đồng.

Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Ngoài ra, bà Lê Thị C còn phải trả cho Công ty X tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 19/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên theo mức lãi suất quy định của Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 5170194 ngày 27/12/2023 giữa Công ty X và bà Lê Thị C.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1,699,806 (một triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng do bà Lê Thị C chịu.

Hoàn lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 653,290 đồng (Sáu trăm năm mươi ba ngàn hai trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0071727 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VSKND KV8-TP.HCM;
- Phòng THADS KV8-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quỳnh Mai Trinh